

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON TÂN ĐỊNH

THÔNG BÁO

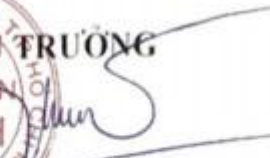
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Nhà trường đảm bảo đầy đủ và đúng tiêu chuẩn các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo yêu cầu Điều lệ trường mầm non qui định.	Nhà trường đảm bảo đầy đủ và đúng tiêu chuẩn các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo yêu cầu Điều lệ trường mầm non qui định.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- 100% các nhóm 24 - 36 tháng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm thông tư 17/2009/TT-BGDĐT - Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non).	100% các lớp Mẫu giáo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm thông tư 17/2009/TT-BGDĐT - Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non).
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp cũng như vận động cơ bản và phát triển tổ chất vận động ban đầu. - Trẻ có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt. - Trẻ thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe. - Trẻ nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp cũng như vận động cơ bản và phát triển tổ chất vận động. - Trẻ biết được một số món ăn thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe. - Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt - Có một số hành

		- Trẻ khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan - Trẻ thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi. - Nghe, hiểu lời nói. Biết nhắc lại các âm, các tiếng, các câu và biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp. - Trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân. Biết biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện hành vi xã hội đơn giản. - Trẻ thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc; tô, vẽ, nặn, xếp hình...	- vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. - Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. - Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng. - Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau. - Nhận biết số đếm, số lượng. Biết sắp xếp theo quy tắc; so sánh 2 đối tượng; Nhận biết hình dạng; Nhận biết vị trí trong không gian, định hướng trong thời gian. - Nhận biết bản thân, gia đình trường, lớp và cộng đồng. - Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống địa phương; Một số lễ hội và danh lam thắng cảnh. - Nghe hiểu lời nói; Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày. - Làm quen với việc đọc - viết - Thể hiện ý thức về bản thân; Sự tự tin, tự lực. - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người,
--	--	--	---

			sự vật, hiện tượng xung quanh - Trẻ biết quan tâm đến môi trường. - Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Trẻ có một số kỹ năng trong âm nhạc, hoạt động tạo hình - Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Hỗ trợ niềm, giảm học phí cho trẻ em hộ cận nghèo và hộ nghèo. - Giáo dục hòa nhập.	- Hỗ trợ niềm, giảm học phí cho trẻ em hộ cận nghèo và hộ nghèo. - Hỗ trợ tiền ăn trưa. - Giáo dục hòa nhập.

Quận 1, ngày 01 tháng 6 năm 2021


HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Trang

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	186			23	52	49	62
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	186			23	52	49	62
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	186			23	52	49	62
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	186			23	52	49	62
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	186			23	52	49	62
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	186			23	52	49	62
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân							
8	Số trẻ em béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	186			23	52	49	62
1	Chương trình giáo dục Nhà trẻ	23			23			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	163				52	49	62

Quận 1, ngày 07 tháng 9 năm 2021


TRẦN THỊ TRẠNG

Trần Thị Trang

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	24	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	10	-
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3,604m ²	16,02m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	701,55m ²	3,118m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	45,842m ²	2,04m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	122,4m ²	0,54m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	299,25m ²	1,33m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	55.5m ² Điểm 26 97.5m ² Điểm 85	0,68m ² /trẻ
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	63.2m ² Điểm 26 42.5m ² Điểm 85	0,47m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	89.08m ²	2,4m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10	10 bộ/10 lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		10/02 sân trường
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	12	10 máy vi tính, 1 máy chiếu, 1 bảng tương tác
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	13	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	4	
3	Máy photo	1	
5	Catsset	0	
6	Đầu Video/đầu đĩa	10	
7	Thiết bị khác	0	
8	Đồ chơi ngoài trời	10	
9	Bàn ghế đúng quy cách	135 bộ	
10	Thiết bị khác...	0	

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10	10		0,54m ² /trẻ	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XV	Tường rào xây	X	

Quận 1, ngày 07 tháng 9 năm 2021


HIỆU TRƯỞNG
MẦM NON
TÂN ĐỊNH
 Trần Thị Trang

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

[illegible]

7	Nhân viên bảo vệ	3						3				2	1		
8	Nhân viên cấp dưỡng	2						2					2		

Quận 1, ngày 12 tháng 9 năm 2021

